UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1958 /SYT - KHTC	*Thái Nguyên, ngày 22 tháng 5 năm 2023*

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022
Đơn vị được thông báo: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên.
Mã chương: 423.

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính năm 2022 của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 28/3/2023 giữa Sở Y tế Thái Nguyên và Bệnh viện Y học cổ truyền.

Sở Y tế thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: Đơn vị không thu phí và lệ phí

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 3.109.000.000 đồng, trong đó:
  + Dự toán giao đầu năm: 3.109.000.000 đồng;
  + Dự toán bổ sung trong năm: đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 2.583.612.900 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 2.583.612.900 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 525.387.100 đồng.
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng;

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

Năm 2022, đơn vị không có kiến nghị theo Kết luận của Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính.

II. Thặng dư trong năm: 23.799.998.638 đồng.

III. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng

IV. Trích lập các Quỹ: 23.446.134.501 đồng,

V. Kinh phí cải cách tiền lương: 1.231.000.000 đồng.

VI. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Thời gian nộp báo cáo quyết toán: Đảm bảo thời gian quy định.

- Danh mục báo cáo quyết toán năm và báo cáo tài chính đủ theo quy định.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập dự toán, công khai dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; hạch toán các khoản thu, chi theo đúng mục lục ngân sách nhà nước và niên độ ngân sách; khớp đúng số liệu trong báo cáo quyết toán và số liệu xác nhận của Kho bạc nhà nước.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị thực hiện chế độ kế toán theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Bệnh viện YHCT;
- Lưu: VT, KHTC.

(Hoa).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 22-05-2023 09:09:57 +07:00

Đỗ Trọng Vũ

Mẫu biểu 2b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	4.461.904.477
02	a. Từ NSNN cấp	4.461.904.477
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	5.339.040.340
06	a. Chi phí hoạt động	5.339.040.340
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	(877.135.863)
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	60.455.900.619
11	Chi phí	35.853.632.395
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	24.602.268.224
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	69.854.486
21	Chi phí	1.235.377
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	68.619.109
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	24.000.000
31	Chi phí khác	3.000.000
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	21.000.000
40	**Chi phí thuế TNDN**	**14.752.832**
41	**Các khoản phải nộp NSNN khác**	
50	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)**	**23.799.998.638**
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	23.446.134.501
53	Kinh phí cải cách tiền lương	1.231.000.000

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 2c

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số …/… ngày …/…/…)

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên
Chương:

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
01	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)**							
02	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)*							
03	- Kinh phí đã nhận							
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
05	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)*							
06	- Kinh phí đã nhận							
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
08	**Dự toán được giao trong năm (08=09+10)**	**3.109.000.000**	**3.109.000.000**	**3.109.000.000**				
09	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
10	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*3.109.000.000*	*3.109.000.000*	*3.109.000.000*				
11	**Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)**	**3.109.000.000**	**3.109.000.000**	**3.109.000.000**				
12	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)*							
13	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)*	*3.109.000.000*	*3.109.000.000*	*3.109.000.000*				
14	**Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)**	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**				
15	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
16	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*2.583.612.900*	*2.583.612.900*	*2.583.612.900*				
17	**Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)**	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**				

Chỉ tiêu	Nội dung	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
18	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
19	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*2.583.612.900*	*2.583.612.900*	*2.583.612.900*				
20	**Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)**	**525.387.100**	**525.387.100**	**525.387.100**				
21	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)*							
22	- Đã nộp NSNN							
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)							
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)							
25	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)*	*525.387.100*	*525.387.100*	*525.387.100*				
26	- Đã nộp NSNN							
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)							
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	525.387.100	525.387.100	525.387.100				
29	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)**							
30	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)*							
31	- Kinh phí đã nhận							
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
33	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)*							
34	- Kinh phí đã nhận							
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
36	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**							
37	**Dự toán được giao trong năm**							
38	**Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)**							
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng							
40	- Số đã ghi thu, ghi chi							
41	**Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)**							
42	**Kinh phí đề nghị quyết toán**							
43	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)**							
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							
44	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)**							
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							
46	- Số dư dự toán							

Chỉ tiêu	Nội dung	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
47	**Dự toán được giao trong năm**							
48	**Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)**							
49	**Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)**							
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN							
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN							
52	**Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán**							
53	**Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)**							
54	- Đã nộp NSNN							
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)							
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)							
57	**Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)**							
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							
59	- Số dư dự toán							
60	**Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN**							
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI							
61	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)**							
62	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
63	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
64	**Dự toán được giao trong năm (64=65+66)**							
65	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
66	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
67	**Số thu được trong năm (67=68+69)**							
68	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
69	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
70	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)**							
71	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)*							
72	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)*							
73	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)**							
74	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
75	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
76	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)**							

Chỉ tiêu	Nội dung	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
77	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)*							
78	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)*							
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI							
79	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)**							
80	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
81	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
82	**Dự toán được giao trong năm (82=83+84)**							
83	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
84	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
85	**Số thu được trong năm (85=86+87)**							
86	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
87	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
88	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)**							
89	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)*							
90	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)*							
91	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)**							
92	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*							
93	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*							
94	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)**							
95	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)*							
96	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)*							

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Mẫu biểu 2c

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số …/… ngày …/…/…)

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				Tổng số:	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**				
				I. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	**2.583.612.900**	**2.583.612.900**				
		6950		**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**	**665.910.000**	**665.910.000**				
			6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	665.910.000	665.910.000				
		7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**6.480.000**	**6.480.000**				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	6.480.000	6.480.000				
		7050		**Mua sắm tài sản vô hình**	**309.090.000**	**309.090.000**				
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	309.090.000	309.090.000				
		7450		**Chi về công tác bảo đảm xã hội**	**849.612.900**	**849.612.900**				
			7499	Chi khác	849.612.900	849.612.900				
		7750		**Chi khác**	**752.520.000**	**752.520.000**				
			7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	752.520.000	752.520.000				

NGƯỜI LẬP BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*